

CHƯƠNG III. CÁC ĐƯỜNG ĐỒNG QUY CỦA TAM GIÁC (BUỔI 4)

Họ tên: Lớp: 7B1/ Ngày: / ... / 20....

A. TÍNH CHẤT ĐƯỜNG TRUNG TRỰC CỦA MỘT ĐOẠN THẲNG

1. Định lý về tính chất các điểm thuộc đường trung trực

Định lý 1 (định lý thuận): Điểm nằm trên đường trung trực của một đoạn thẳng thì cách đều hai mút của đoạn thẳng đó.

2. Định lý đảo

Định lý 2 (định lý đảo): Điểm cách đều hai mút của một đoạn thẳng thì nằm trên đường trung trực của đoạn thẳng đó.

* **Nhận xét:** Tập hợp các điểm cách đều hai mút của một đoạn thẳng là đường trung trực của đoạn thẳng đó.

Bài 1.1. Cho hai điểm M, N nằm trên đường trung trực của đoạn thẳng AB.

Chứng minh rằng $\triangle AMN = \triangle BMN$

Bài 1.2. Cho tam giác ABC cân tại A. Lấy điểm D thuộc cạnh AB, điểm E thuộc cạnh AC sao cho $AD = AE$. Gọi I là giao điểm của BE và CD. Chứng minh rằng AI là đường trung trực của BC.

(Gợi ý: Chứng minh tam giác IBC cân tại I)

Bài 1.3. Cho điểm A nằm trong góc nhọn xOy có số đo bằng α . Vẽ các điểm B, C sao cho Ox là đường trung trực của AB, Oy là đường trung trực của AC. Gọi giao điểm của BC với Ox, Oy theo thứ tự là E, F.

a) Chứng minh rằng BC bằng chu vi tam giác AEF.

b) Với giá trị nào của $\alpha, (\alpha < 90^\circ)$ thì OB vuông góc với OC?

* **Bài tập về nhà**

Bài 1.4. Cho tam giác ABC cân tại A, M là trung điểm của BC. Lấy điểm D trên cạnh AB, điểm E trên cạnh AC sao cho $BD = CE$. Chứng minh rằng:

a) AM là đường trung trực của BC. (Gợi ý: Chứng minh điểm A và M lần lượt cách đều 2 điểm B và C)

b) AM là đường trung trực của DE. (Gợi ý: Chứng minh điểm A và M lần lượt cách đều 2 điểm D và E)

B. TÍNH CHẤT BA ĐƯỜNG PHÂN GIÁC CỦA TAM GIÁC

1. Đường trung trực của tam giác

Nhận xét: Trong một tam giác cân, đường trung trực của cạnh đáy đồng thời là đường trung tuyến ứng với cạnh này.

2. Tính chất ba đường trung trực của tam giác

Định lý: Ba đường trung trực của một tam giác cùng đi qua một điểm. Điểm này cách đều ba đỉnh của tam giác đó.

Lưu ý: Vì giao điểm O của ba đường trung trực của tam giác ABC cách đều ba đỉnh của tam giác đó nên có một đường tròn tâm O đi qua ba đỉnh A, B, C. Ta gọi đường tròn đó là *đường tròn ngoại tiếp* tam giác ABC.

C. KIẾN THỨC BỔ SUNG

1. Định lý

- a) Trong một tam giác cân, đường trung trực của cạnh đáy đồng thời là đường trung tuyến, đường phân giác đi qua đỉnh cân.
- b) Ngược lại, nếu một tam giác có một đường vừa là đường trung trực, vừa là đường trung tuyến (hoặc đường phân giác) thì tam giác đó là tam giác cân.

2. Hệ quả

- a) Trong một tam giác cân, trọng tâm, điểm cách đều ba cạnh và điểm cách đều ba đỉnh cùng nằm trên một đường thẳng.
- b) Trong một tam giác đều, trọng tâm, điểm cách đều ba cạnh và điểm cách đều ba đỉnh trùng nhau.

Bài 2.1. Cho tam giác ABC cân tại A, O là giao điểm của ba đường trung trực. Lấy điểm D trên cạnh AB, điểm E trên cạnh AC sao cho $AD = CE$. Chứng minh rằng:

- a) $OA = OB = OC$
- b) O nằm trên đường trung trực của DE.

Bài 2.2. Cho tam giác ABC có $AB < AC$. Trên cạnh AC lấy điểm D sao cho $CD = AB$. Hai đường trung trực của BD và AC cắt nhau tại E. Chứng minh rằng:

- a) $\triangle AEB = \triangle CED$
- b) AE là tia phân giác trong tại đỉnh A của $\triangle ABC$

Bài 2.3. Cho tam giác ABC cân tại A. Đường trung trực của cạnh AC cắt tia CB tại điểm D nằm ngoài đoạn thẳng BC. Trên tia đối của tia AD lấy điểm E sao cho $AE = BD$. Chứng minh $AD = CE$.

*** Bài tập về nhà**

Bài 2.4. Cho tam giác ABC cân tại A có $A = 36^\circ$, đường phân giác CD. Tia phân giác của góc A cắt đường trung trực của AC tại O. Chứng minh rằng:

- a) O là giao điểm các đường trung trực của tam giác ABC.
- b) O là giao điểm các đường phân giác của tam giác ACD.

Bài 2.5. Cho tam giác ABC với phân giác trong AD. Từ một điểm P thuộc đoạn DC, kẻ một đường thẳng song song với AD, cắt các đường thẳng AB và AC lần lượt tại M và N. Chứng minh rằng: Đường trung trực của đoạn MN đi qua điểm A.

---- Hết ----